

外籍勞工健康檢查問答輯

Hỏi Đáp Về Kiểm Tra Sức Khỏe Lao Động Nước Ngoài

2017年5月15日修訂

Sửa đổi bổ sung ngày 15 tháng 05 năm 2017

外籍勞工健康檢查主要相關法規為就業服務法 (最新修訂日期為2016年11月3日, 以下簡稱本法) 及受聘僱外國人健康檢查管理辦法 (最新修訂日期為2017年5月5日, 以下簡稱本辦法)。

Quy định pháp luật có liên quan chủ yếu về kiểm tra sức khỏe lao động nước ngoài là Bộ luật phục vụ việc làm (ngày sửa đổi bổ sung mới nhất là ngày 03 tháng 11 năm 2016, dưới đây gọi tắt là Bộ luật này) và Biện pháp quản lý kiểm tra sức khỏe cho người nước ngoài được thuê mướn (ngày sửa đổi bổ sung mới nhất là ngày 05 tháng 05 năm 2017, dưới đây gọi tắt là Biện pháp này).

常見問題 Vấn đề thường gặp		頁碼 Trang số
Q1	外籍勞工來臺前健康檢查規定及項目為何? Quy định và hạng mục kiểm tra sức khỏe trước khi lao động nước ngoài đến Đài Loan là gì?	5
Q2	外籍勞工來臺後健康檢查規定及項目為何? Quy định và hạng mục kiểm tra sức khỏe sau khi lao động nước ngoài đến Đài Loan là gì?	6
Q3	外籍勞工定期健檢訂有滿6個月、18個月及30個月之日「前後30日」之緩衝時間, 如新聘僱許可生效日落在緩衝時間內, 但目前仍處於舊聘僱許可函之聘僱許可期間, 是否需辦理依舊聘僱許可生效日 (即工作起始日) 起計之該次定期健檢? Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho lao động nước ngoài được quy	8

	<p>định có thời gian hòa hoãn “trước sau 30 ngày” của các ngày đủ 6 tháng, 18 tháng và 30 tháng, nếu ngày có hiệu lực của giấy phép thuê lao động mới rơi vào trong thời gian hòa hoãn, nhưng hiện tại vẫn trong thời hạn cho phép thuê mướn của giấy phép thuê lao động cũ, thì có cần phải kiểm tra sức khỏe định kỳ lần này theo ngày có hiệu lực của giấy phép lao động cũ (tức ngày bắt đầu làm việc) hay không?</p>	
Q4	<p>本辦法第11條第1項「第二類外國人轉換雇主或工作，或其他依本法重新核發聘僱許可，已逾一年未接受健康檢查者，雇主應自聘僱許可生效日之次日起7日內，安排其至指定醫院接受健康檢查（補充健檢）」之執行方式？</p> <p>Phương pháp thực hiện của mục 1 Điều 11 Biện pháp này “Trường hợp người nước ngoài loại hình thứ hai nếu chuyển chủ hoặc chuyển việc, hoặc việc thẩm duyệt cấp phát lại giấy phép thuê lao động theo Bộ luật này, người đã quá 1 năm chưa được kiểm tra sức khỏe, Chủ thuê phải sắp xếp cho lao động đến Bệnh viện chỉ định để kiểm tra sức khỏe (kiểm tra sức khỏe bổ sung) trong vòng 7 ngày kể từ ngày giấy phép thuê lao động có hiệu lực” là gì?</p>	9
Q5	<p>本辦法第11條第3項「自聘僱許可生效日起滿6個月之日與最近一次接受健康檢查日間隔未滿5個月者，免辦理該次6個月定期健檢」之認定原則？</p> <p>Nguyên tắc nhận định của mục 3 Điều 11 Biện pháp này “Trường hợp ngày đủ 6 tháng kể từ ngày bắt đầu có hiệu lực của giấy phép thuê lao động cách ngày kiểm tra sức khỏe một lần gần đây nhất chưa đầy 5 tháng, miễn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng lần này” là gì?</p>	10
Q6	<p>本辦法於2017年5月7日修正生效，導致部份外籍勞工未能於法定期限內辦理定期健檢之因應措施？</p> <p>Biện pháp ứng phó đối với việc Biện pháp này có hiệu lực vào</p>	11

	ngày sửa đổi bổ sung ngày 07 tháng 05 năm 2017, khiến cho một số lao động nước ngoài chưa thể kiểm tra sức khỏe định kỳ trong thời hạn luật pháp quy định?	
Q7	外籍勞工來臺後健康檢查證明及後續複檢或治療相關之診斷證明書應送交何單位？ Giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe sau khi lao động nước ngoài đến Đài Loan và giấy chứng minh kiểm tra tiếp lần sau hoặc giấy chứng minh chẩn đoán điều trị có liên quan thì phải giao gửi cho đơn vị nào?	12
Q8	外籍勞工健康檢查如有不合格項目，應如何處置？ Kiểm tra sức khỏe lao động nước ngoài nếu có hạng mục không đạt tiêu chuẩn, thì phải xử lý như thế nào?	13
Q9	外籍勞工阿米巴性痢疾陽性個案，如何就醫治療？ Lao động nước ngoài mắc bệnh lỵ amíp dương tính, thì điều trị chữa bệnh như thế nào?	14
Q10	外籍勞工阿米巴性痢疾陽性個案，經治療後如何複檢？如何辦理備查？ Trường hợp lao động nước ngoài mắc bệnh lỵ amíp dương tính, sau khi được điều trị thì kiểm tra lại như thế nào? Tiến hành như thế nào để tham khảo sau này?	15
Q11	外籍勞工確診為阿米巴性痢疾且遭受廢止聘僱許可，返國後可再次來臺嗎？ Lao động nước ngoài bị chẩn đoán mắc bệnh lỵ amíp và bị bãi bỏ giấy phép thuê lao động, sau khi về nước có thể quay lại Đài Loan hay không?	16
Q12	外籍勞工健檢之胸部 X 光肺結核檢查，合格與不合格的判定基準為何？ Tiêu chuẩn cơ bản xét định đạt tiêu chuẩn và không đạt tiêu chuẩn đối với kiểm tra lao phổi qua X-quang ngực đối với lao động nước ngoài là gì?	16

Q13	外籍勞工於健康檢查或因病就醫後，確診為肺結核，雇主應如何處理？ Lao động nước ngoài sau khi kiểm tra sức khỏe hoặc nhập viện do bị ốm, bị chẩn đoán chính xác mắc bệnh lao phổi, Chủ thuê phải xử lý như thế nào?	17
Q14	外籍勞工肺結核或漢生病個案如何申請在臺治療？ Trường hợp lao động nước ngoài mắc bệnh lao phổi hoặc bệnh phong thì xin điều trị tại Đài Loan như thế nào?	19
Q15	外籍勞工確診為肺結核且遭受廢止聘僱許可，返國後可再次來臺嗎？ Lao động nước ngoài bị chẩn đoán mắc bệnh lao phổi và bị bãi bỏ giấy phép thuê lao động, sau khi về nước có thể quay lại Đài Loan hay không?	20
Q16	外籍勞工健檢之漢生病檢查相關規定為何？ Quy định liên quan về kiểm tra bệnh phong đối với lao động nước ngoài như thế nào?	21
Q17	外籍勞工罹患哪些傳染病會廢止其聘僱許可？ Lao động nước ngoài mắc những bệnh truyền nhiễm nào sẽ bị bãi bỏ giấy phép thuê lao động?	22
Q18	外籍勞工罹患傳染病，雇主應如何安置該勞工？ Lao động nước ngoài mắc bệnh truyền nhiễm, Chủ thuê phải sắp xếp cho lao động đó như thế nào?	22
	第二類受聘僱外國人(外籍勞工)定期健檢時程規定 Quy định trình tự thời gian kiểm tra sức khỏe định kỳ đối với người nước ngoài được thuê loại hình thứ hai (lao động nước ngoài)	24

Q1 : 外籍勞工來臺前健康檢查規定及項目為何？

Q1: Quy định và hạng mục kiểm tra sức khỏe trước khi lao động nước ngoài đến Đài Loan là gì?

A :

1. 外籍勞工申請入國簽證應檢具3個月內母國認可醫院核發之合格健康檢查證明。
1. Lao động nước ngoài xin visa nhập cảnh phải kèm theo giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe đạt tiêu chuẩn được Bệnh viện được cấp phép trong nước cấp phát.
2. 母國之認可醫院名單，公布於疾病管制署 <http://www.cdc.gov.tw> > 國際旅遊與健康 > 外國人健檢 > 健檢醫院及指定機構 > 國外之認可醫院名單。
2. Danh sách Bệnh viện được cấp phép trong nước được công bố tại trang web của Sở kiểm soát Bệnh tật: <http://www.cdc.gov.tw> > Du lịch quốc tế và sức khỏe > Kiểm tra sức khỏe người nước ngoài > Bệnh viện kiểm tra sức khỏe và các cơ sở được chỉ định > Danh sách Bệnh viện được cấp phép của nước ngoài.
3. 外籍勞工來臺前健康檢查項目：
 - (1) 胸部 X 光肺結核檢查
 - (2) 梅毒血清檢查
 - (3) 腸內寄生蟲糞便檢查
 - (4) 漢生病檢查
 - (5) 麻疹及德國麻疹之抗體陽性檢驗報告或預防接種證明
3. Hạng mục kiểm tra sức khỏe trước khi lao động nước ngoài đến Đài Loan:
 - (1) Kiểm tra lao phổi qua X-quang ngực
 - (2) Kiểm tra huyết thanh giang mai
 - (3) Kiểm tra ký sinh trùng trong ruột qua phân
 - (4) Kiểm tra bệnh phong
 - (5) Báo cáo xét nghiệm dương tính kháng thể của bệnh sởi và sởi rubella hoặc giấy chứng minh tiêm chủng vắc xin

Q2 : 外籍勞工來臺後健康檢查規定及項目為何？

Q2: Quy định và hạng mục kiểm tra sức khỏe sau khi lao động nước ngoài đến Đài Loan là gì?

A :

1. 外籍勞工應於來臺後「3個工作日內（以下簡稱入國三日健檢）」及「健檢起計日滿6個月、18個月及30個月之日前後30日內（以下簡稱定期健檢）」至指定醫院接受健康檢查
1. Lao động nước ngoài sau khi đến Đài Loan “trong vòng 3 ngày làm việc (dưới đây gọi tắt là kiểm tra sức khỏe 3 ngày nhập cảnh)” và “trong vòng 30 ngày trước hoặc sau ngày đủ 6 tháng, 18 tháng và 30 tháng tính từ ngày kiểm tra sức khỏe (dưới đây gọi tắt là kiểm tra sức khỏe định kỳ)” đến bệnh viện chỉ định để được kiểm tra sức khỏe .
2. 入國三日健檢因故未能依限辦理者，得於延長3個工作日內補行辦理；定期健檢因故未能依限辦理者，得檢具相關文件報衛生局備查，並得提前於7日內或事由消失後7日內辦理。
2. Trường hợp có lý do không thể tiến hành kiểm tra sức khỏe 3 ngày nhập cảnh theo hạn định, được tiến hành bổ sung thực hiện trong 3 ngày làm việc kéo dài thêm; Trường hợp có lý do không thể tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ theo hạn định, thì có thể đề xuất các văn bản có liên quan báo cáo với Cục Y tế làm tham khảo sau này, và có thể tiến hành kiểm tra sức khỏe trong vòng 7 ngày trước hoặc trong vòng 7 ngày sau khi hết lý do.
3. 「定期健檢起計日」原則：
 - (1) 聘僱許可函發文日期在2016年11月4日以前者，起計日為「入國日」。
 - (2) 聘僱許可函發文日期在2016年11月5日以後者，起計日為「工作起始日」。
3. Nguyên tắc “**tính ngày bắt đầu kiểm tra sức khỏe định kỳ**”:
 - (1) Trường hợp ngày phát công hàm giấy phép thuê lao động trước ngày 04 tháng 11 năm 2016, tính ngày bắt đầu là “ngày nhập cảnh”.
 - (2) Trường hợp ngày phát công hàm giấy phép thuê lao động sau ngày 05 tháng 11 năm 2016, tính ngày bắt đầu là “ngày bắt đầu làm việc”.

4. 定期健檢之辦理期間，請至疾病管制署網 (「 <http://www.cdc.gov.tw> > 國際旅遊與健康> 外國人健檢 > 受聘僱外國人健檢」或「縮網址：<https://goo.gl/8i9X7X>) 之「外籍勞工定期健康檢查日期查詢」介面，輸入外勞之「定期健檢起計日」即可顯示工作滿6個月、18個月及30個月之應辦理定期健檢期間。
4. Thời gian kiểm tra sức khỏe định kỳ, xin vui lòng vào trang web của Sở kiểm soát Bệnh tật (<http://www.cdc.gov.tw> > Du lịch quốc tế và sức khỏe > Kiểm tra sức khỏe người nước ngoài > Kiểm tra sức khỏe người nước ngoài được thuê hoặc giao diện “tìm kiếm ngày kiểm tra sức khỏe định kỳ cho lao động nước ngoài” của “trang web thu nhỏ: <https://goo.gl/8i9X7X>”), “tính ngày bắt đầu kiểm tra sức khỏe định kỳ” cho lao động nước ngoài nhập cảnh vào tức là có thể biểu thị thời gian phải tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ khi làm việc đủ 6 tháng, 18 tháng và 30 tháng.
5. 國內之指定醫院名單，公布於疾病管制署 <http://www.cdc.gov.tw> > 國際旅遊與健康 > 外國人健檢 > 健檢醫院及指定機構 > 國內之指定醫院名單。
5. Danh sách Bệnh viện chỉ định trong nước, được công bố tại trang web của Sở kiểm soát Bệnh tật <http://www.cdc.gov.tw> > Du lịch quốc tế và sức khỏe > Kiểm tra sức khỏe người nước ngoài > Bệnh viện kiểm tra sức khỏe và các cơ sở được chỉ định > Danh sách Bệnh viện được chỉ định trong nước.
6. 外籍勞工來臺後健康檢查項目：
 - (1) 胸部 X 光肺結核檢查
 - (2) 梅毒血清檢查
 - (3) 腸內寄生蟲糞便檢查
 - (4) 漢生病檢查
 - (5) 印尼籍勞工入國三日健檢增列傷寒、副傷寒及桿菌性痢疾檢查
6. Hạng mục kiểm tra sức khỏe sau khi người lao động đến Đài Loan:
 - (1) Kiểm tra lao phổi X-quang ngực
 - (2) Kiểm tra huyết thanh giang mai
 - (3) Kiểm tra ký sinh trùng trong ruột qua phân

(4) Kiểm tra bệnh phong

(5) Tăng thêm phần kiểm tra thương hàn, phụ thương hàn và kiết lỵ trực khuẩn đối với lao động Indonesia trong phần kiểm tra sức khỏe 3 ngày nhập cảnh.

Q3 : 外籍勞工定期健檢訂有滿6個月、18個月及30個月之日「前後30日」之緩衝時間，如新聘僱許可生效日落在緩衝時間內，但目前仍處於舊聘僱許可函之聘僱許可期間，是否需辦理依舊聘僱許可生效日（即工作起始日）起計之該次定期健檢？

Q3: Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho lao động nước ngoài có thời gian hòa hoãn “trước sau 30 ngày” của ngày đủ 6 tháng, 18 tháng và 30 tháng, nếu ngày có hiệu lực của giấy phép thuê lao động mới rơi vào trong thời gian hòa hoãn, nhưng hiện tại vẫn trong thời hạn cho phép thuê mướn của giấy phép thuê lao động cũ, thì có cần phải tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ lần này tính theo ngày có hiệu lực của giấy phép lao động cũ (tức ngày bắt đầu làm việc) hay không?

A :

1. 是的，建議辦理該次定期健檢。
1. Đúng vậy, yêu cầu tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ lần này.
2. 若未辦理，該名外籍勞工新的聘僱許可之工作起始日距離前次健檢日（包括入國三日健檢、定期健檢及補充健檢）已逾一年，新僱主應依本辦法第11條第1項規定，於工作起始日之次日起7日內辦理補充健檢。辦理補充健檢後，其後續應健檢時程為依新聘僱許可工作起始日起計之6個月、18個月及30個月定期健檢。
2. Nếu chưa tiến hành, mà ngày bắt đầu làm việc theo giấy phép thuê mới của lao động nước ngoài này cách ngày kiểm tra sức khỏe lần trước (bao gồm kiểm tra sức khỏe 3 ngày nhập cảnh, kiểm tra sức khỏe định kỳ và kiểm tra bổ sung) đã quá 1 năm, thì Chủ thuê mới phải tiến hành kiểm tra bổ sung trong vòng 7 ngày bắt đầu từ ngày thứ hai của ngày bắt đầu làm việc theo quy định tại mục 1 Điều 11 Biên pháp này. Sau khi kiểm tra bổ sung, trình tự thời gian kiểm tra sức khỏe tiếp theo của lao động là kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng, 18 tháng và 30

tháng tính từ ngày bắt đầu làm việc của giấy phép thuê mới.

Q4 : 本辦法第11條第1項「第二類外國人轉換雇主或工作，或其他依本法重新核發聘僱許可，已逾一年未接受健康檢查者，雇主應自聘僱許可生效日之次日起7日內，安排其至指定醫院接受健康檢查（補充健檢）」之執行方式？

Q4: Phương pháp tiến hành của mục 1 Điều 11 Biện pháp này “Trường hợp người nước ngoài loại hình thứ hai nếu chuyển chủ hoặc chuyển việc, hoặc việc cấp phát giấy phép thuê lao động mới theo Bộ luật này, đã quá 1 năm chưa được kiểm tra sức khỏe, Chủ thuê phải sắp xếp cho lao động đến Bệnh viện chỉ định để kiểm tra sức khỏe (kiểm tra sức khỏe bổ sung) trong vòng 7 ngày kể từ ngày thứ hai sau ngày giấy phép thuê lao động có hiệu lực” là gì?

A :

1. 雇主（仲介）前往地方政府勞工行政主管機關辦理「雇主接續聘僱外國人通報」時，應先行檢核所聘外籍勞工前次健檢日期，如該名外籍勞工聘僱許可之工作起始日距離前次健檢日（包括入國三日健檢、定期健檢及補充健檢）已逾一年，則雇主應依本辦法第11條第1項規定，於工作起始日之次日起7日內辦理補充健檢。
1. Khi chủ thuê (môi giới) đến Cơ quan có thẩm quyền Hành chính Lao động Chính phủ địa phương để đăng ký “Thông báo Chủ thuê tiếp tục thuê người nước ngoài”, thì trước tiên phải kiểm tra ngày kiểm tra sức khỏe lần trước của lao động nước ngoài, nếu ngày bắt đầu làm việc của giấy phép thuê của lao động nước ngoài này cách ngày kiểm tra sức khỏe lần trước (bao gồm kiểm tra sức khỏe 3 ngày nhập cảnh, kiểm tra sức khỏe định kỳ và kiểm tra bổ sung) đã quá 1 năm, thì Chủ thuê phải tiến hành kiểm tra bổ sung trong vòng 7 ngày bắt đầu từ ngày thứ hai sau ngày bắt đầu làm việc theo quy định tại mục 1 Điều 11 Biện pháp này.
2. 依據本辦法第7條規定，入國三日健檢及定期健檢之健康檢查證明應送交該名外籍勞工留存。請雇主（仲介）先向所聘外籍勞工確認其前次

健檢日期；如無法獲悉，可電洽地方政府衛生局或勞工行政主管機關協助查詢。

2. Theo quy định tại Điều 7 Biện pháp này, giấy chứng minh của kiểm tra sức khỏe 3 ngày nhập cảnh và kiểm tra sức khỏe định kỳ phải được giao cho lao động nước ngoài đó tự mình lưu giữ. Yêu cầu Chủ thuê (môi giới) xác nhận với lao động nước ngoài ngày kiểm tra sức khỏe lần trước; nếu không thể biết được, có thể gọi điện đến Cục Y tế của Chính phủ địa phương hoặc Cơ quan có thẩm quyền Hành chính Lao động để hỗ trợ tra cứu.
3. 本辦法之補充健檢規定不溯及既往，自本辦法修正生效日（2017年5月7日）起開始實施。
3. Quy định kiểm tra bổ sung của Biện pháp này không tính về trước, bắt đầu thực thi từ ngày Biện pháp này sửa đổi bổ sung có hiệu lực (ngày 07 tháng 05 năm 2017).

Q5 : 本辦法第11條第3項「自聘僱許可生效日起滿6個月之日與最近一次接受健康檢查日間隔未滿5個月者，免辦理該次6個月定期健檢」之認定原則？

Q5: Nguyên tắc nhận định của mục 3 Điều 11 Biện pháp này “Trường hợp ngày đủ 6 tháng kể từ ngày giấy phép thuê lao động có hiệu lực cách ngày kiểm tra sức khỏe một lần gần đây nhất chưa đầy 5 tháng, thì miễn kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng lần này” là gì?

A :

1. 「聘僱許可生效日」即「工作起始日」，部分未期滿轉換雇主之外籍勞工原依「入國日」起計定期健檢，本辦法修正生效後，因其聘僱許可函發文日期在2016年11月5日以後，須改依「工作起始日」起計定期健檢，為避免其於短時間內重複接受健康檢查致增加其負擔，遂新增本項規定。
1. “Ngày giấy phép thuê có hiệu lực” tức “ngày bắt đầu làm việc”, một số lao động nước ngoài chưa mãn hạn chuyên chủ trước đây tính kiểm tra sức khỏe định kỳ bắt đầu từ “ngày nhập cảnh”, sau khi việc sửa đổi bổ sung Biện pháp

này có hiệu lực, do ngày phát công hàm giấy phép thuê là sau ngày 05 tháng 11 năm 2016, nên phải đổi tính kiểm tra sức khỏe định kỳ bắt đầu từ “ngày bắt đầu làm việc”, để tránh kiểm tra sức khỏe nhiều lần trong thời gian ngắn khiến gia tăng gánh nặng cho họ, tăng thêm quy định mục này.

2. 5個月回溯算法：月份減5，日期加1。若月份減5後該月份沒有相對應之日期，則以該月份最後一天之隔日為準。

範例：外籍勞工之工作起始日為2017年2月1日，其滿6個月之日為2017年8月1日，如該名外籍勞工於2017年3月2日以後有定期健檢紀錄，則免辦理本次6個月定期健檢。

Cách tính trở về 5 tháng: Tháng trừ đi 5, ngày cộng thêm 1. Nếu tháng sau khi trừ đi 5, tháng đó không có ngày tương ứng, thì lấy ngày hôm sau của ngày cuối cùng trong tháng đó làm chuẩn.

Ví dụ: Ngày bắt đầu làm việc của lao động nước ngoài là ngày 1 tháng 2 năm 2017, ngày đủ 6 tháng là ngày 1 tháng 8 năm 2017, nếu lao động nước ngoài đó có ghi chép kiểm tra sức khỏe định kỳ sau ngày 2 tháng 3 năm 2017, thì miễn tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng lần này.

Q6：本辦法於2017年5月7日修正生效，導致部份外籍勞工未能於法定期限內辦理定期健檢之因應措施？

Q6: Biện pháp ứng phó đối với việc Biện pháp này sửa đổi bổ sung vào ngày 07 tháng 05 năm 2017 có hiệu lực, khiến cho một số lao động nước ngoài chưa thể tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ trong thời hạn luật pháp quy định?

A：衛福部針對該類案件已提供 60 天緩衝期，請僱主於 2017 年 7 月 4 日前安排所聘外勞接受定期健檢。

A: Bộ Phúc lợi đã cung cấp kỳ hòa hoãn 60 ngày đối với những vụ việc này, yêu cầu Chủ thuê sắp xếp cho lao động mà mình thuê tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ trước ngày 04 tháng 07 năm 2017.

Q7 : 外籍勞工來臺後健康檢查證明及後續複檢或治療相關之診斷證明書應送交何單位 ?

Q7: Giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe sau khi lao động nước ngoài đến Đài Loan và giấy chứng minh kiểm tra tiếp lần sau hoặc giấy chứng minh chẩn đoán điều trị có liên quan thì phải giao gửi cho đơn vị nào?

A :

1. 健康檢查證明正本應送交該名外籍勞工留存。
1. Bản chính giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe phải được giao cho lao động nước ngoài tự mình lưu giữ.
2. 入國三日健檢結果如有不合格項目或須進一步檢查者 (例如 : 疑似肺結核或漢生病個案須至指定機構複檢、梅毒陽性個案須取得完成治療證明或寄生蟲陽性個案須治療後複檢等) , 雇主於取得複檢診斷證明書或完成治療證明後 , 須送勞動部勞動力發展署辦理備查。
2. Nếu kết quả kiểm tra sức khỏe 3 ngày nhập cảnh có hạng mục không đạt tiêu chuẩn hoặc cần phải kiểm tra thêm (ví dụ: trường hợp nghi bị mắc bệnh lao phổi hoặc bệnh phong, thì phải đến cơ sở y tế được chỉ định để kiểm tra lại; trường hợp giang mai dương tính thì phải lấy giấy chứng minh hoàn thành điều trị hoặc ký trường hợp ký sinh trùng dương tính thì phải kiểm tra lại sau khi điều trị .v.v.), Chủ thuê sau khi nhận được giấy chứng minh chẩn đoán kiểm tra lại hoặc giấy chứng minh điều trị, thì phải gửi cho Sở Phát triển nguồn lao động, Bộ lao động để làm tham khảo sau này.
3. 定期健檢結果如有不合格項目或須進一步檢查者 , 雇主須於取得複檢診斷證明書或完成治療證明之次日起15日內 , 將複檢診斷證明書 (或完成治療證明) 及聘僱許可函送交衛生局備查。
3. Kết quả kiểm tra sức khỏe định kỳ nếu có hạng mục không đạt tiêu chuẩn hoặc cần phải kiểm tra tiếp, trong vòng 15 ngày bắt đầu từ ngày thứ hai của ngày lấy được giấy chứng minh chẩn đoán kiểm tra lại hoặc giấy chứng minh hoàn thành điều trị, Chủ thuê phải nộp giấy chứng minh chẩn đoán kiểm tra lại (hoặc giấy chứng minh hoàn thành điều trị) và công hàm cấp giấy phép thuê lao động cho Cục Y tế để làm tham khảo sau này.

Q8：外籍勞工健康檢查如有不合格項目，應如何處置？

Q8: Kiểm tra sức khỏe lao động nước ngoài nếu có hạng mục không đạt tiêu chuẩn, thì phải xử lý như thế nào?

A：

1. 腸內寄生蟲陽性者（非屬痢疾阿米巴原蟲），於收受健康檢查證明之次日起65日內至指定醫院治療後取得複檢陰性之診斷證明書，依Q7辦理備查。
1. Trường hợp ký sinh trùng trong ruột (không phải trùng nguồn ly amíp) là dương tính, trong vòng 65 ngày kể từ ngày thứ hai nhận được giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe thì phải đến Bệnh viện chỉ định điều trị, sau đó lấy giấy chứng minh chẩn đoán âm tính sau khi kiểm tra lại, rồi đăng ký làm tham khảo sau này theo Q7.
2. 確診為痢疾阿米巴原蟲陽性者，於收受健康檢查證明之次日起65日內至指定醫院治療後取得複檢3次均陰性之診斷證明書，依Q7辦理備查，詳情請參考Q9~Q11。
2. Trường hợp bị chẩn đoán dương tính với ly amíp đơn bào, trong vòng 65 ngày kể từ ngày thứ hai nhận được giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe thì phải đến Bệnh viện chỉ định điều trị, sau đó lấy được 3 lần giấy chứng minh chẩn đoán đều là âm tính sau khi kiểm tra lại, rồi đăng ký làm tham khảo sau này theo Q7, chi tiết xin vui lòng tham khảo Q9~Q11.
3. 梅毒血清檢查陽性者，於收受健康檢查證明之次日起30日內，取得醫療院所核發之完成治療證明，依Q7辦理備查。
3. Trường hợp kiểm tra thanh huyết giang mai là dương tính, trong vòng 30 ngày kể từ ngày thứ hai nhận được giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe, lấy giấy chứng minh hoàn thành điều trị do Bệnh viện điều trị cấp phát, rồi đăng ký làm tham khảo sau này theo Q7.
4. 胸部X光肺結核檢查結果為「疑似肺結核」或「無法確認診斷」者，由指定醫院通知雇主，於收受健康檢查證明之次日起15日內，偕同外籍勞工攜帶健康檢查證明及胸部X光片，至胸部X光肺結核檢查指定機構複檢，取得複檢診斷證明書後依Q7辦理備查。確診個案後續治療程序

請參考Q13-15。

4. Trường hợp kết quả kiểm tra lao phổi X-quang ngực là “ngghi là lao phổi” hoặc “không thể xác nhận chẩn đoán”, thì Bệnh viện được chỉ định sẽ thông báo cho Chủ thuê, trong vòng 15 ngày kể từ ngày thứ hai nhận được giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe, đi cùng với lao động nước ngoài đem theo giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe và bản X-quang phần ngực, đến cơ sở y tế được chỉ định kiểm tra lao phổi X-quang ngực để kiểm tra lại, sau khi lấy được giấy chứng minh chẩn đoán lần kiểm tra lại đó thì đăng ký làm tham khảo sau này theo Q7. Trình tự điều trị tiếp theo sau khi được xác nhận chẩn đoán xin vui lòng tham khảo Q13-15.
5. 漢生病檢查結果為「須進一步檢查」者，於收受健康檢查證明之次日起15日內，至漢生病檢查指定機構複檢，取得複檢診斷證明書後依Q7辦理備查，漢生病檢查相關規定請參考Q16。確診個案後續治療程序請參考Q14。
5. Trường hợp kết quả kiểm tra bệnh phong là “cần phải thêm một bước kiểm tra”, trong vòng 15 ngày kể từ ngày thứ hai nhận được giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe, đến cơ sở chỉ định kiểm tra bệnh phong để kiểm tra lại, sau khi lấy được giấy chứng minh chẩn đoán lần kiểm tra lại đó thì đăng ký làm tham khảo sau này theo Q7, các quy định có liên quan về kiểm tra bệnh phong xin vui lòng tham khảo Q16. Trình tự điều trị tiếp theo sau khi được xác nhận chẩn đoán xin vui lòng tham khảo Q14.

Q9：外籍勞工阿米巴性痢疾陽性個案，如何就醫治療？

Q9: Lao động nước ngoài mắc bệnh lỵ amíp dương tính, thì điều trị như thế nào?

A：應至指定醫院就醫治療，由醫院向疾病管制署所屬區管中心申請阿米巴性痢疾治療藥品（屬專案進口藥物）。請雇主協助外籍勞工將藥品費用（自費，約新台幣3000~7000元）匯款至疾病管制署指定帳戶，再將匯款收據交由醫院。指定醫院須先行以電話聯繫區管中心確認領藥事宜，再將「使用專案進口寄生蟲治療藥物申請書」及匯款收據同時傳

真至區管中心，由區管中心以快捷郵件寄送藥品至指定醫院，再由醫院轉交。

A: Phải đến Bệnh viện chỉ định để khám và điều trị, Bệnh viện sẽ đăng ký thuốc điều trị ly amíp (thuốc nhập khẩu thuộc chuyên án) với Trung tâm quản lý thuốc Sở kiểm soát Bệnh tật. Yêu cầu Chủ thuê hỗ trợ lao động nước ngoài chuyển khoản phí thuốc (tự chi, khoảng 3000~7000 Đài tệ) vào tài khoản chỉ định của kiểm soát Bệnh tật, rồi nộp hóa đơn chuyển khoản đó cho Bệnh viện. Bệnh viện chỉ định sẽ phải gọi điện liên lạc với Trung tâm quản lý khu xác nhận việc lấy thuốc, rồi gửi fax “Đơn đăng ký sử dụng thuốc điều trị ký sinh trùng nhập khẩu thuộc chuyên án” và hóa đơn chuyển khoản đến Trung tâm quản lý khu, Trung tâm quản lý khu sẽ gửi phát nhanh thuốc qua bưu điện đến Bệnh viện chỉ định, sau đó sẽ do Bệnh viện chuyển giao.

Q10：外籍勞工阿米巴性痢疾陽性個案，經治療後如何複檢？如何辦理備查？

Q10: Lao động nước ngoài mắc bệnh ly amíp dương tính, sau khi được điều trị thì kiểm tra lại như thế nào? Đăng ký làm tham khảo sau này như thế nào?

A：

1. 外籍勞工完成治療後，停藥1個月，由衛生局督導雇主安排外籍勞工於7天內接受3次採檢（每次間隔至少24小時），並將檢體送疾病管制署複檢。
1. Sau khi lao động nước ngoài hoàn thành điều trị, ngừng thuốc 1 tháng, Cục Y tế sẽ nhắc nhở Chủ thuê sắp xếp cho lao động nước ngoài tiếp nhận 3 lần kiểm tra (mỗi lần cách nhau ít nhất 24 tiếng) trong vòng 7 ngày, và gửi mẫu kiểm tra cho Sở kiểm soát Bệnh tật kiểm tra lại.
2. 如為入國三日健檢發現之個案，雇主須於取得衛生局核發之複檢結果函後，送交勞動部備查；如為定期健檢發現之個案，雇主於取得衛生局核發之複檢結果函後，自行存查即可。
2. Nếu trường hợp phát hiện là kiểm tra sức khỏe 3 ngày nhập cảnh, Chủ thuê sau

khi nhận được kết quả kiểm tra lại do Cục Y tế cấp phát sẽ phải gửi cho Bộ Lao động làm tham khảo sau này; nếu trường hợp phát hiện là kiểm tra sức khỏe định kỳ, Chủ thuê sau khi nhận được kết quả kiểm tra lại do Cục Y tế cấp phát, sẽ tự lưu giữ lại.

Q11 : 外籍勞工確診為阿米巴性痢疾且遭受廢止聘僱許可，返國後可再次來臺嗎？

Q11: Lao động nước ngoài bị chẩn đoán mắc bệnh lỵ amíp và bị bãi bỏ giấy phép thuê lao động, sau khi về nước có thể quay lại Đài Loan hay không?

A : 確診為阿米巴性痢疾且遭受廢止聘僱許可者，內政部移民署會依據「禁止外國人入國作業規定」，進行入境管制至痊癒之日。外籍勞工返回母國後，仍須繼續治療至痊癒，取得認可醫院核發之「阿米巴性痢疾用藥治療證明」(須翻譯為中文或英文，內容含藥品名稱及治療期程，並經我國駐外館處驗證)，寄送至內政部移民署，申請解除入境管制，始得辦理來臺簽證。

A: Xác nhận chẩn đoán mắc bệnh lỵ amíp và bị bãi bỏ giấy phép thuê lao động, Sở Di dân Bộ Nội chính sẽ tiến hành ngày quản chế nhập cảnh đến khi khỏi hẳn theo “Quy định công tác cấm người nước ngoài nhập cảnh”. Sau khi lao động nước ngoài trở về quê hương, vẫn phải tiếp tục điều trị đến khi khỏi hẳn, sau khi lấy được “Giấy chứng minh điều trị dùng thuốc lỵ amíp” (phải dịch thành tiếng Trung hoặc tiếng Anh, nội dung gồm tên gọi dược phẩm và quá trình thời gian điều trị, sau đó được Văn phòng đại diện ở nước ta nghiệm chứng) do Bệnh viện đồng ý cấp phát, gửi đến Sở Di Dân Bộ Nội chính, xin giải trừ quản chế nhập cảnh, thì mới được đăng ký visa đến Đài Loan.

Q12 : 外籍勞工健檢之胸部 X 光肺結核檢查，合格與不合格的判定基準為何？

Q12: Tiêu chuẩn cơ bản xét định đạt tiêu chuẩn và không đạt tiêu chuẩn đối với kiểm tra lao phổi qua X-quang ngực đối với lao động nước ngoài là gì?

A :

1. 判定基準 :

- (1) 活動性肺結核或結核性肋膜炎視為「不合格」。
- (2) 非活動性肺結核視為「合格」，包括下列診斷情形：纖維化(鈣化)肺結核、纖維化(鈣化)病灶及肋膜增厚。
- (3) 妊娠孕婦得至指定機構進行三套痰塗片檢查，取代胸部X光肺結核檢查。三套痰塗片檢查結果任一為陽性者(但同套檢體核酸增幅檢驗(NAA)陰性者，不在此限)，視為「不合格」。

1. Tiêu chuẩn cơ bản xét định:

- (1) Lao phổi hoạt tính hoặc viêm màng phổi được coi là “không đạt tiêu chuẩn”.
- (2) Lao phổi phi hoạt tính được coi là “đạt tiêu chuẩn”, bao gồm những tình hình chẩn đoán sau: Lao phổi xơ hóa (vôi hóa), tổn thương xơ hóa (vôi hóa) và tăng dày màng phổi.
- (3) Phụ nữ mang thai có thể đến cơ sở chỉ định tiến hành 3 lần kiểm tra lấy đờm, thay cho kiểm tra lao phổi X-quang ngực. Bất kỳ một trong 3 lần kiểm tra mà kết quả là dương tính (nhưng xét nghiệm tăng acid nucleic (NAA) cùng lần là âm tính, thì không thuộc phạm vi này), coi như “không đạt tiêu chuẩn”.

2. 胸部X光肺結核檢查之指定機構名單，公布於疾病管制署 <http://www.cdc.gov.tw> > 國際旅遊與健康 > 外國人健檢 > 健檢醫院及指定機構 > 胸部X光肺結核檢查之指定機構。

2. Danh sách cơ sở chỉ định kiểm tra lao phổi X-quang ngực, được công bố tại trang web của Sở kiểm soát Bệnh tật <http://www.cdc.gov.tw> > Du lịch quốc tế và sức khỏe > Kiểm tra sức khỏe người nước ngoài > Bệnh viện kiểm tra sức khỏe và cơ sở chỉ định > Cơ sở chỉ định kiểm tra lao phổi X-quang ngực.

Q13 : 外籍勞工於健康檢查或因病就醫後，確診為肺結核，雇主應如何處理？

Q13: Lao động nước ngoài sau khi kiểm tra sức khỏe hoặc nhập viện do bị ốm, bị chẩn đoán mắc bệnh lao phổi, Chủ thuê phải xử lý như thế nào?

A :

1. 外籍勞工肺結核個案，由僱主向衛生局申請都治服務（請參考Q14）。
1. Trường hợp lao động nước ngoài mắc bệnh lao phổi, Chủ thuê đăng ký dịch vụ điều trị với Cục Y tế (xin tham khảo Q14).
2. 僱主如未申請都治服務，於取得勞動部核發之廢止聘僱許可函後，應依規定協助外籍勞工返國。原則上，痰檢查陽性個案須服藥2週，才可搭乘飛機返國；多重抗藥性個案經確認複檢痰培養檢查為陰性者，方得搭乘飛機返國。
2. Nếu Chủ thuê chưa đăng ký dịch vụ điều trị, thì sau khi nhận được công hàm bãi bỏ giấy phép thuê lao động do Bộ Lao động cấp phát, phải hỗ trợ lao động nước ngoài về nước theo quy định. Trên nguyên tắc, kiểm tra đờm dương tính phải uống thuốc 2 tuần, mới có thể ngồi máy bay về nước; trường hợp đa kháng thuốc đã được xác nhận kiểm tra dưỡng đờm trong lần kiểm tra lại là âm tính, mới được ngồi máy bay về nước.
3. 僱主應依「外國人生活管理照顧服務計畫書」規定妥善照顧外籍勞工；如僱主未依規定妥善照顧外籍勞工，經地方政府勞工行政主管機關通知限期改善而未改善者，將依違反本法第54條規定，不予核發招募許可（已核發者，得中止引進）、聘僱許可或展延聘僱許可。
3. Chủ thuê phải chăm sóc lao động nước ngoài một cách thích hợp theo quy định “Kế hoạch dịch vụ chăm sóc quản lý sinh hoạt người nước ngoài”; nếu Chủ thuê không chăm sóc lao động nước ngoài một cách thích hợp theo quy định, được cơ quan có thẩm quyền Hành chính Lao động Chính phủ địa phương thông báo kỳ hạn cải thiện mà không cải thiện, sẽ dựa vào việc vi phạm quy định Điều 54 Bộ luật này, không cấp phát giấy phép tuyển mộ (trường hợp đã cấp phát, có thể đình chỉ việc thuê lao động), giấy phép thuê lao động hoặc giấy phép kéo dài thời gian thuê lao động.
4. 須取得衛生局核發之健檢不予備查函、外籍勞工罹患傳染病通知函，或至地方政府勞工行政主管機關辦理勞雇雙方合意解約，僱主才可於取得廢止聘僱許可函前協助外籍勞工返國。
4. Phải lấy được công hàm kiểm tra sức khỏe không cho phép làm tham khảo sau này, công hàm thông báo lao động nước ngoài mắc bệnh truyền nhiễm do Cục

Y tế cấp phát, hoặc đến cơ quan có thẩm quyền Hành chính Lao động Chính phủ địa phương đăng ký chấm dứt hợp đồng có sự đồng ý của hai bên Chủ thuê và lao động, Chủ thuê mới được hỗ trợ lao động nước ngoài về nước trước khi lấy được công hàm bãi bỏ giấy phép thuê lao động.

Q14 : 外籍勞工肺結核或漢生病個案如何申請在臺治療？

Q14: Lao động nước ngoài mắc bệnh lao phổi hoặc bệnh phong thì xin điều trị tại Đài Loan như thế nào?

A :

1. 適用對象：外籍勞工經確診為活動性肺結核、結核性肋膜炎或漢生病者，多重抗藥性個案除外。
1. Đối tượng áp dụng: Lao động nước ngoài được xác nhận chẩn đoán mắc bệnh lao phổi hoạt tính, viêm màng phổi lao hoặc bệnh phong, ngoại trừ trường hợp đa kháng thuốc.
2. 申請在臺治療流程：於收受肺結核或漢生病之診斷證明書次日起15日內，檢具下列文件送交衛生局：
 - (1) 診斷證明書
 - (2) 雇主協助受聘僱外國人接受治療意願書
 - (3) 受聘僱外國人接受衛生單位安排都治同意書(下載表單請至疾病管制署 <http://www.cdc.gov.tw> > 國際旅遊與健康 > 外國人健檢 > 受聘僱外國人健檢)
2. Quy trình xin điều trị tại Đài Loan: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thứ hai nhận được giấy chứng minh chẩn đoán bệnh lao phổi hoặc bệnh phong, chuẩn bị những văn bản sau nộp cho Cục Y tế:
 - (1) Giấy chứng minh chẩn đoán
 - (2) Giấy đồng ý Chủ thuê hỗ trợ người lao động nước ngoài tiếp nhận điều trị
 - (3) Giấy đồng ý tiếp nhận Đơn vị y tế sắp xếp điều trị cho lao động nước ngoài.(Tải về bảng biểu xin vui lòng vào trang web Sở Quản lý Bệnh tật <http://www.cdc.gov.tw> > Du lịch quốc tế và sức khỏe > Kiểm tra sức khỏe người nước ngoài > Kiểm tra sức khỏe lao động nước ngoài)

3. 外籍勞工完成都治服務藥物治療，且經衛生局認定完成治療者，視為合格。未辦理複檢、複檢不合格且未申請都治、未配合都治累計達15日(含)以上，或後續診斷為多重抗藥個案者，視為健康檢查不合格，由衛生局函送勞動部廢止其聘僱許可。

3. Lao động nước ngoài hoàn thành điều trị bằng thuốc dịch vụ điều trị, và được Cục Y tế nhận định hoàn thành điều trị, được coi là đạt tiêu chuẩn. Trường hợp không đăng ký tiến hành kiểm tra lại, kiểm tra lại không đạt yêu cầu và chưa đăng ký điều trị, không phối hợp với việc điều trị tích lũy trên (gồm cả) 15 ngày, hoặc sau này bị chẩn đoán là đa kháng thuốc, thì coi như kiểm tra sức khỏe không đạt tiêu chuẩn, sẽ được Cục Y tế gửi công hàm cho Bộ Lao động bãi bỏ giấy phép lao động.

4. 外籍勞工如聘期屆滿仍未完成治療者，將進行跨國轉介，請其返回母國後繼續治療。

4. Nếu lao động nước ngoài hết hạn hợp đồng nhưng vẫn chưa hoàn thành điều trị, thì sẽ tiến hành chuyển giao cho nước của lao động nước ngoài, yêu cầu người lao động này tiếp tục điều trị sau khi về nước.

Q15：外籍勞工確診為肺結核且遭受廢止聘僱許可，返國後可再次來臺嗎？

Q15: Lao động nước ngoài bị chẩn đoán mắc bệnh lao phổi và bị bãi bỏ giấy phép lao động, sau khi về nước có thể quay lại Đài Loan hay không?

A：確診為肺結核且遭受廢止聘僱許可者，內政部移民署會依據「禁止外國人入國作業規定」，進行入境管制至痊癒之日。外籍勞工返回母國後，仍須繼續治療至痊癒，取得母國衛生主管機關核發之「肺結核個案管理及完治證明」或認可醫院核發之病歷摘要(須翻譯為中文或英文，內容含藥品名稱、治療期程、治療後之胸部 X 光檢查結果及痰液檢查結果〈含痰塗片檢查及痰培養檢查〉，並經我國駐外館處驗證)，寄送內政部移民署，申請解除入境管制，始得辦理來臺簽證。

A: Trường hợp bị xác định chẩn đoán mắc bệnh lao phổi và bị bãi bỏ giấy phép lao động, Sở Di dân Bộ Nội chính sẽ tiến hành quản chế nhập cảnh đến ngày khỏi bệnh theo “Quy định công tác cấm người nước ngoài nhập cảnh”. Lao

động nước ngoài sau khi về nước vẫn phải tiếp tục điều trị đến khi khỏi hẳn, lấy được “Giấy chứng minh quản lý và hoàn thành điều trị lao phổi” do cơ quan Y tế có thẩm quyền trong nước cấp phát hoặc Trích yếu bệnh án do Bệnh viện được cho phép cấp phát (phải dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Anh, nội dung gồm tên gọi thuốc, quy trình thời gian điều trị, kết quả kiểm tra X-quang ngực sau khi điều trị và kết quả kiểm tra dịch đờm (gồm kiểm tra đờm trên đĩa và kiểm tra dưỡng đờm), và đã được Văn phòng đại diện ở nước ta nghiệm chứng), gửi đến Sở Di dân Bộ Nội chính, đăng ký giải trừ quản chế nhập cảnh, thì mới được đăng ký visa đến Đài Loan.

Q16 : 外籍勞工健檢之漢生病檢查相關規定為何？

Q16: Quy định liên quan về kiểm tra bệnh phong đối với lao động nước ngoài như thế nào?

A :

1. 漢生病檢查為全身皮膚檢查，受檢者可穿著內衣內褲，並由親友或女性醫護人員陪同受檢。醫院檢查時逐步分部位受檢，並依「門診醫療隱私維護規範」維護受檢者隱私。
1. Kiểm tra bệnh phong là kiểm tra da toàn thân, người bị kiểm tra có thể mặc quần áo lót, và có người thân hoặc bạn bè hoặc nhân viên y tá nữ cùng vào kiểm tra. Khi Bệnh viện kiểm tra chia làm từng bộ phận kiểm tra, và bảo vệ quyền riêng tư của người bị kiểm tra theo “quy tắc bảo vệ quyền riêng tư khi khám bệnh và điều trị”.
2. 受檢者如於皮膚視診時發現疑似漢生病病灶，應依傳染病防治法規定通報主管機關，須進一步檢查者應自收受健康檢查證明之次日起15日內，至指定機構再檢查。
2. Nếu người bị kiểm tra khi kiểm tra da phát hiện nghi ngờ là bệnh phong, thì phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định Bộ luật Phòng chống Bệnh truyền nhiễm, trường hợp cần tiến thêm một bước kiểm tra phải đến cơ sở chỉ định kiểm tra thêm trong vòng 15 ngày kể từ ngày thứ hai nhận được giấy chứng minh kiểm tra sức khỏe.

3. 漢生病檢查之指定機構名單，公布於疾病管制署 <http://www.cdc.gov.tw> > 國際旅遊與健康 > 外國人健檢 > 健檢醫院及指定機構 > 漢生病檢查之指定機構。
3. Danh sách cơ sở chỉ định kiểm tra bệnh phong, được công bố tại trang web của Sở kiểm soát Bệnh tật <http://www.cdc.gov.tw> > Du lịch quốc tế và sức khỏe > Kiểm tra sức khỏe người nước ngoài > Bệnh viện kiểm tra sức khỏe và cơ sở chỉ định > Cơ sở chỉ định kiểm tra bệnh phong.

Q17 : 外籍勞工罹患哪些傳染病會廢止其聘僱許可？

Q17: Lao động nước ngoài mắc những bệnh truyền nhiễm nào sẽ bị bãi bỏ giấy phép lao động?

A : 外籍勞工罹患多重抗藥性結核病，會廢止其聘僱許可。另外，外籍勞工罹患活動性肺結核、結核性肋膜炎、漢生病或阿米巴性痢疾，如申請在臺治療，且配合衛生機關防疫措施者，可在臺工作；若未配合防疫措施，將廢止其聘僱許可。

A: Lao động nước ngoài mắc bệnh lao đa kháng thuốc, sẽ bị bãi bỏ giấy phép lao động. Ngoài ra, lao động nước ngoài mắc bệnh lao phổi hoạt tính, viêm màng phổi lao, bệnh phong hoặc lỵ amíp, nếu đăng ký điều trị tại Đài Loan, và phổi hợp biện pháp phòng dịch của Cơ quan Y tế, có thể làm việc tại Đài Loan; nếu không phối hợp biện pháp phòng dịch, sẽ bị bãi bỏ giấy phép lao động.

Q18 : 外籍勞工罹患傳染病，雇主應如何安置該勞工？

Q18: Lao động nước ngoài mắc bệnh truyền nhiễm, Chủ thuê phải sắp xếp cho lao động đó như thế nào?

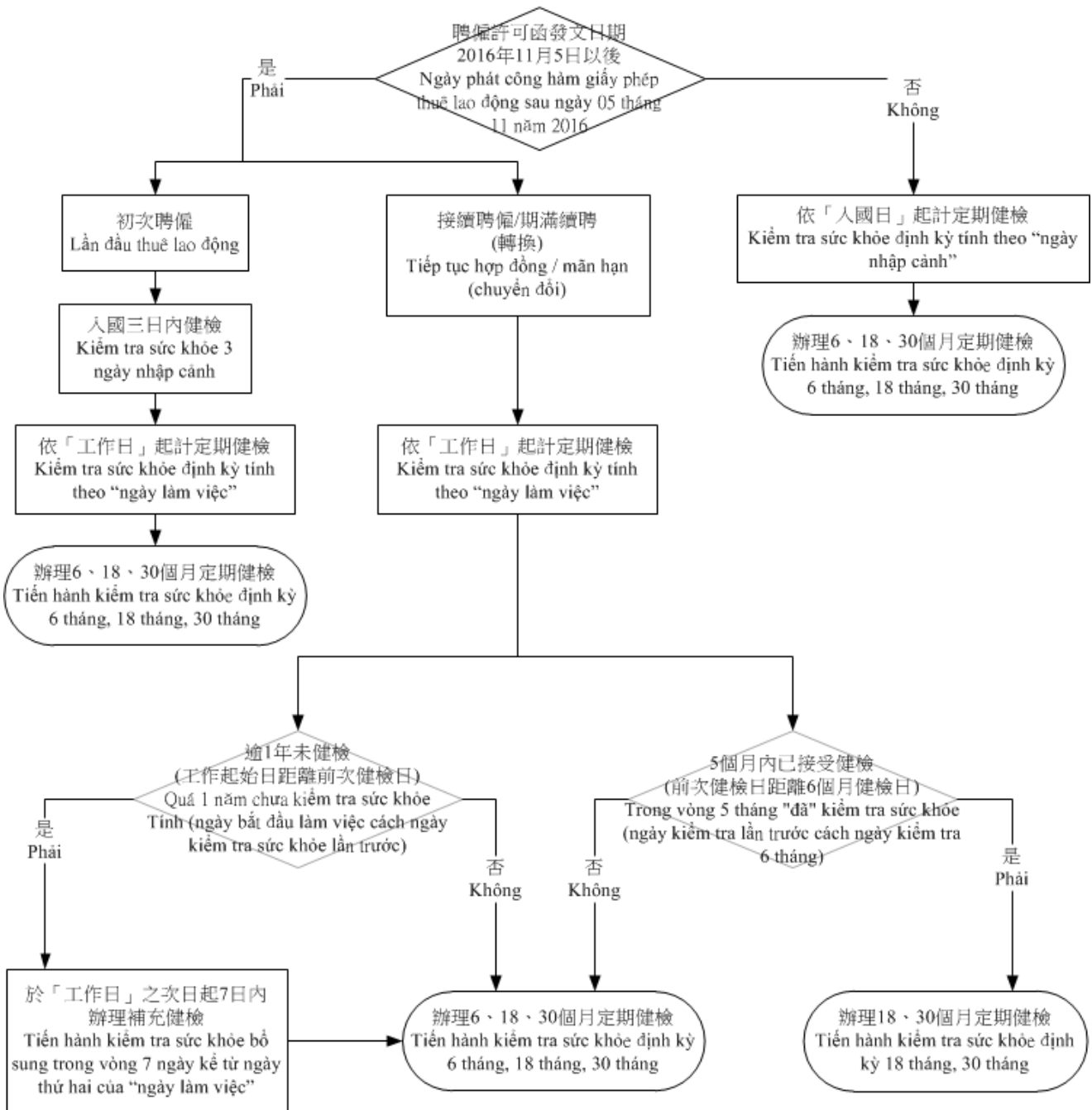
A :

1. 外籍勞工罹患傳染病，經醫師診治有住院之必要者，應於醫院接受治療；如不需住院者，雇主應提供安置場所。

1. Lao động nước ngoài mắc bệnh truyền nhiễm, trường hợp đã được bác sĩ chẩn đoán cần phải nằm viện, thì phải tiếp nhận điều trị của Bệnh viện; trường hợp không cần nằm viện, Chủ thuê phải cung cấp nơi nghỉ ngơi.

2. 對於疑似肺結核個案或確診肺結核等待返國個案，雇主宜提供通風良好的單人房，且個案應配戴外科口罩至痰檢查結果沒有細菌為止。
2. Đối với trường hợp bị nghi là lao phổi hoặc xác định chẩn đoán bị lao phổi chờ về nước, Chủ thuê cần cung cấp phòng đơn thông gió, và người lao động phải đeo khẩu trang ngoại khoa đến khi kết quả kiểm tra đờm không còn vi khuẩn mới thôi.
3. 對於腸道傳染病病患，需加強個人衛生，廁所應提供充足之衛生紙，如廁後一定要使用肥皂或洗手乳洗手，避免污染環境及把手。原則上，患者使用的廁所及洗臉臺，患者排便後曾接觸過的地方均需消毒（如馬桶座墊、門把等）。如設施許可，建議個案使用單獨馬桶。在各項腸道傳染病解除列管前，患者不得從事食品業、照顧病人或兒童之工作。
3. Đối với bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm đường ruột, cần tăng cường vệ sinh cá nhân, phòng vệ sinh phải cung cấp đầy đủ giấy vệ sinh, sau khi đi vệ sinh nhất định phải dùng xà phòng rửa tay, tránh ô nhiễm môi trường và tay cầm. Trên nguyên tắc, phòng vệ sinh và bồn rửa mặt mà người bệnh sử dụng sau khi người bệnh đại tiện, những nơi mà bệnh từng tiếp xúc đều phải khử trùng (như ghế ngồi bồn cầu, tay nắm .v.v.). Nếu thiết bị cho phép, người bệnh nên sử dụng bồn cầu vệ sinh đơn. Trước khi giải trừ quản chế đối với bệnh truyền nhiễm đường ruột, người bệnh không được tham gia vào các ngành nghề công tác như thực phẩm, chăm sóc bệnh nhân hoặc trẻ nhỏ.

第二類受聘僱外國人
Người nước ngoài được thuê loại hình thứ hai



圖：第二類受聘僱外國人定期健檢時程規定

Hình: Quy định quy trình thời gian kiểm tra sức khỏe định kỳ cho lao động nước ngoài loại hình thứ hai